

Báo cáo ngày: VN-Index hồi phục trong phiên và hướng đến mức 1,700

22/10/2025

Chỉ số VN-Index tăng 15 điểm (+0.9%), đóng cửa ở mức 1,678.5 điểm. Sau khi mở cửa tăng điểm, thị trường chịu áp lực bán ở các nhóm cổ phiếu như nhóm Vingroup, Ngân hàng, ... với mức thanh khoản thấp hơn so với các phiên trước đó. Tuy nhiên, lực cầu tham gia vào cuối phiên chiều ở nhiều nhóm ngành giúp cho chỉ số hồi phục và đóng cửa tăng điểm.

VN-Index tăng điểm với thanh khoản giảm mạnh so với 2 phiên gần nhất có thể là dấu hiệu cho thấy lực bán đã giảm. Đồng thời, dòng tiền có xu hướng lan tỏa ở nhiều cổ phiếu trong nhóm vốn hóa lớn. **Trong ngắn hạn, với việc lực bán đã suy yếu, chúng tôi cho rằng thị trường sẽ tiếp tục hồi phục và hướng đến mức 1,700.** NĐT có thể tận dụng nhịp hồi này để giảm tỷ trọng cổ phiếu về mức an toàn.

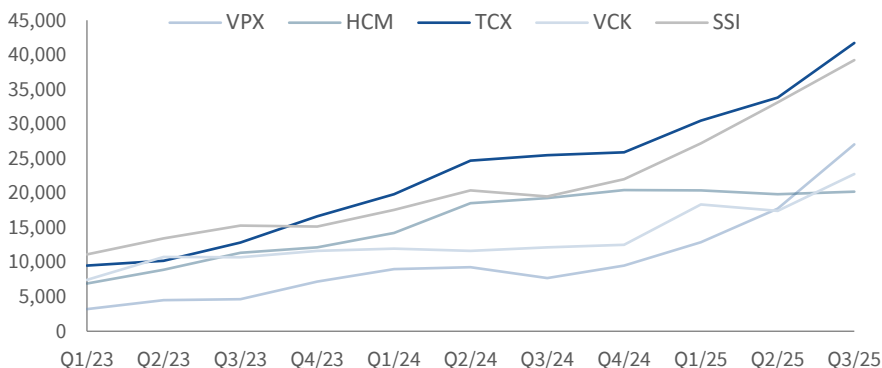
Khối ngoại bán ròng trở lại hơn 1,600 tỷ VND trong phiên hôm nay, trong đó tập trung vào các mã CTG, HPG và VCI. Ở chiều ngược lại, FPT tiếp tục được mua ròng mạnh (hơn 279 tỷ VND).

Hầu hết các HĐ tương lai đều tăng điểm trong phiên hôm nay, ngoại trừ HĐ 41I2G6000 giảm 0.7%. Các HĐ tương lai chỉ số VN30 đều tăng điểm, trong đó HĐ 41I1FB000 tăng mạnh nhất (+1.4%). Đối với các HĐ VN100, HĐ 41I2FC000 tăng mạnh nhất, 25.4 điểm, tương ứng tăng 1.4%.

Tính đến thời điểm hiện tại, khoảng 25% các DNNY trên HOSE đã công bố kết quả kinh doanh Q3 2025 (Chi tiết tham khảo **Phụ lục Tổng quan KQKD Q3 2025 toàn thị trường** tại trang 10).

Dư nợ cho vay margin của TCX tiếp tục dẫn đầu kể từ Q4 2023

Dư nợ cho vay margin của top 5 CTCK có dư nợ cho vay margin lớn nhất theo quý từ Q1 2023 - nay [tỷ VND]



Nguồn: Fiinpro-X, TVS Research

Tổng quan thị trường

Chỉ tiêu	Giá trị	% Thay đổi
VN-Index		
Đóng cửa	1,678.5	0.9%
KLGD [triệu CP]	999	-37.7%
GTGD [tỷ VND]	32,200	-34.1%
Khớp lệnh	27,898	-40.1%
Thoả thuận	4,303	86.0%
HNX-Index		
Đóng cửa	268.7	1.5%
KLGD [triệu CP]	128	-22.2%
GTGD [tỷ VND]	2,856	-22.6%
UPCoM		
Đóng cửa	109.8	0.3%
KLGD [triệu CP]	34	-31.7%
GTGD [tỷ VND]	514	-34.5%

Mục lục

- Diễn biến TT VN và quốc tế ►
- Vì sao thị trường tăng điểm? ►
- Quan điểm thị trường ►
- Các thông tin đáng chú ý ►
- Thị trường phái sinh & chứng quyền ►
- Phụ lục: Tổng quan hiệu suất thị trường ►
- Danh sách cổ phiếu khuyến nghị ►

Nguyễn Đức Anh

Chuyên viên phân tích

anhnd@tvs.vn

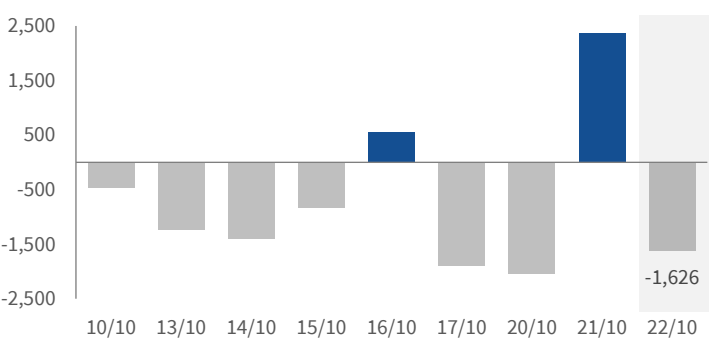
Tổng quan thị trường hôm nay

NDTNN bán ròng trong phiên giao dịch hôm nay

VN-Index 998.6 triệu CP	▲ 1,679 (+0.9%) 32,200 tỷ VND (-34.1%)
HNX-Index 127.5 triệu CP	▲ 269 (+1.5%) 2,856 tỷ VND (-22.6%)
UPCoM-Index 33.8 triệu CP	▲ 110 (+0.3%) 514 tỷ VND (-34.5%)

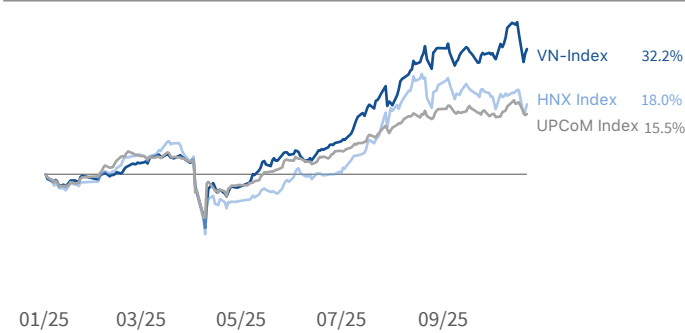
Khối ngoại bán ròng hơn 1,600 tỷ VND

Giá trị mua/bán ròng của NĐT nước ngoài trên sàn HSX [tỷ VND]



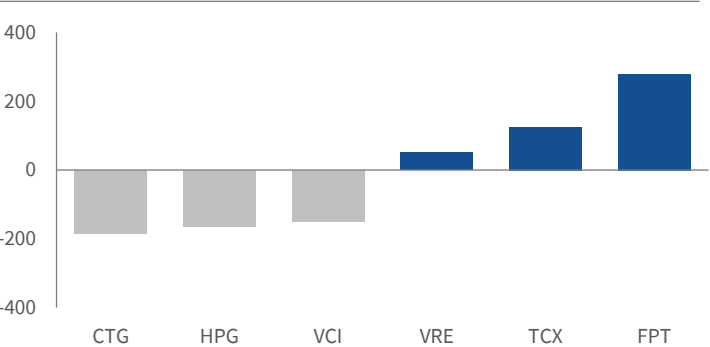
Cả 3 chỉ số đều hồi phục nhẹ trong phiên

Hiệu suất tính từ đầu năm 2025 của các chỉ số [%]



NDTNN tập trung bán ròng các cổ phiếu CTG, HPG và VCI

Top cổ phiếu mua/bán ròng của NĐT nước ngoài trên sàn HSX [tỷ VND]



TTCK Hàn Quốc tăng điểm mạnh nhất trong số các TTCK chúng tôi theo dõi

Hiệu suất của các chỉ số chứng khoán chính [%]

Chỉ số	Quốc gia	Giá đóng cửa [điểm]	KLGD [triệu CP]	Thay đổi giá		Định giá		Chỉ báo kỹ thuật			
				1 ngày	YTD	P/E	P/B	Kháng cự	Hỗ trợ	RSI	MA (20)
VN-Index	Việt Nam	1,674	996	0.6%	31.8%	15.3	2.0	1,700	1,600	46	1,674
HNX-Index	Việt Nam	269	128	1.5%	18.1%	27.3	1.6	300	220	51	267
S&P 500	Mỹ	6,735	3,302	0.0%	14.5%	24.2	4.9	5,842	5,823	60	6,709
Dow Jones	Mỹ	46,925	437	0.5%	10.3%	22.6	5.3	42,594	42,051	66	46,629
FTSE 100	Anh	9,427	612	0.3%	15.3%	12.6	1.9	8,385	8,325	61	9,420
Euro Stoxx 50	Euro	5,687	15	0.1%	16.2%	24.5	3.3	4,999	4,978	61	5,596
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,914	54,312	-0.1%	16.8%	13.9	1.3	3,340	3,328	60	3,888
SZSE Component	Trung Quốc	12,997	16,153	-0.6%	24.8%	25.6	2.2	10,729	10,563	51	12,965
Hang Seng	Hồng Kông	25,782	2,830	-0.9%	28.5%	11.7	1.3	20,890	20,563	46	25,955
Nikkei 225	Nhật Bản	49,261	118	-0.1%	26.7%	21.2	2.2	40,000	38,416	57	49,325
KOSPI	Hàn Quốc	3,884	589	1.6%	61.9%	14.9	1.1	2,616	2,590	69	3,831
VIX Index	Mỹ	15	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A

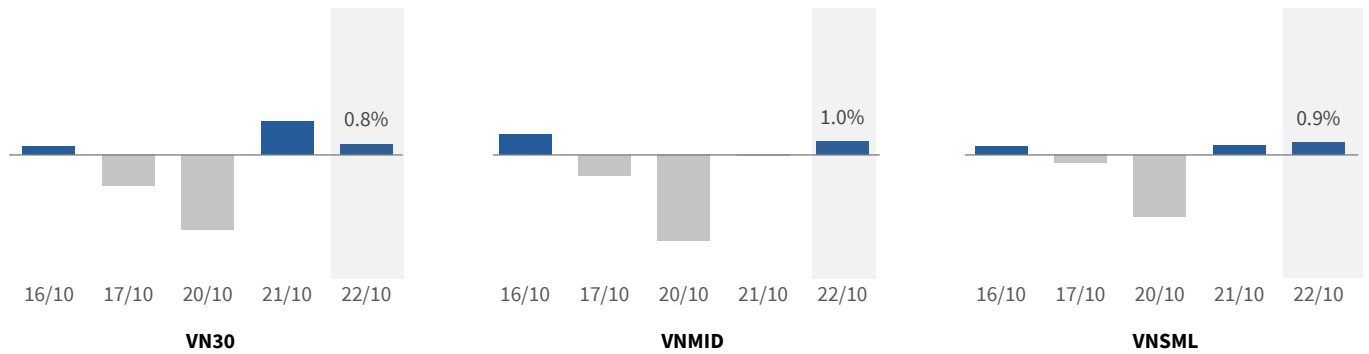
Ghi chú: Các chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 được lấy giá trị giao dịch ngày hôm trước

Nguồn: Investing.com, TVS Research

Diễn biến giao dịch theo nhóm chỉ số & ngành

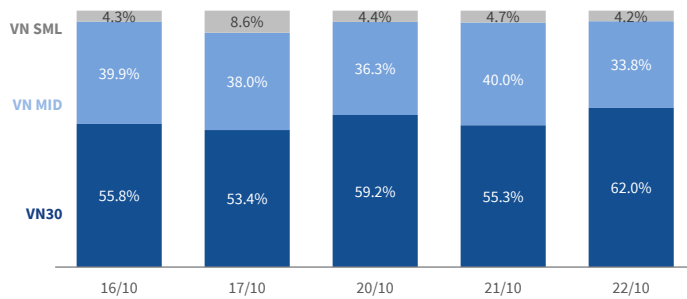
Các nhóm chỉ số đều tăng nhẹ trong phiên hôm nay, trong đó chỉ số VN MID tăng mạnh nhất

% Thay đổi 1 ngày của các nhóm chỉ số [%]



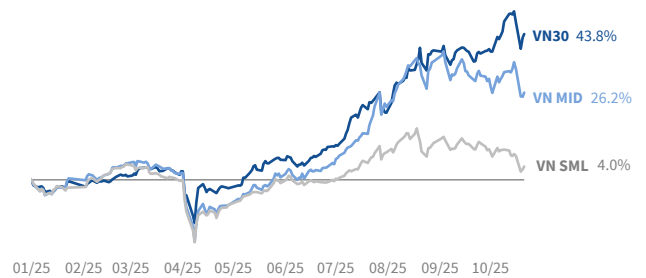
Tỷ trọng GTGD của nhóm VN30 tăng mạnh hôm nay

Tỷ trọng GTGD theo các nhóm chỉ số [%]



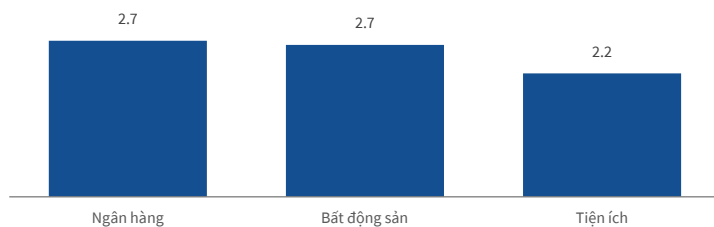
Chỉ số VN30 tăng mạnh nhất kể từ sau ngày 20/10

Hiệu suất của các chỉ số từ đầu năm 2025 [%]



Nhóm Ngân hàng và BĐS tăng điểm mạnh phiên hôm nay...

Các ngành đóng góp tích cực nhất vào VN-Index [điểm]



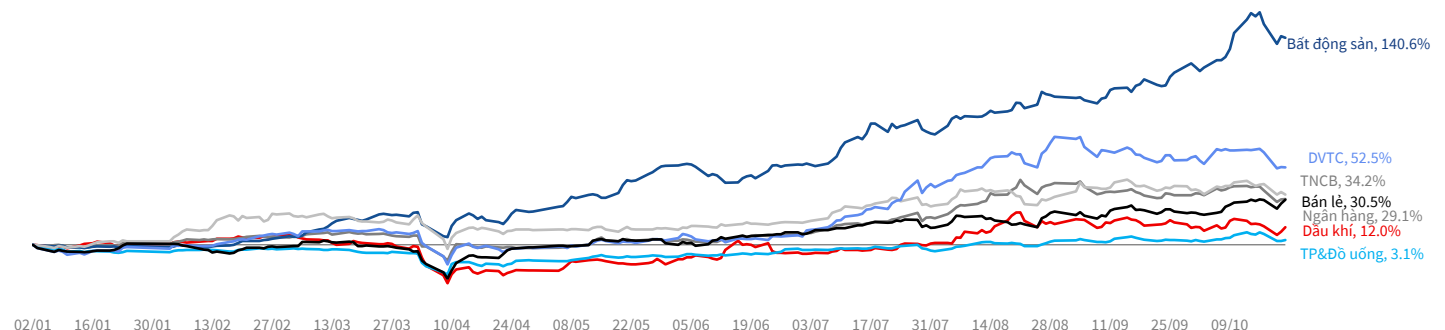
... trong khi chỉ có nhóm Tài nguyên cơ bản giảm nhẹ

Các ngành đóng góp tiêu cực nhất vào VN-Index [điểm]



Hiệu suất của hầu hết các nhóm ngành đều tăng trong phiên hôm nay

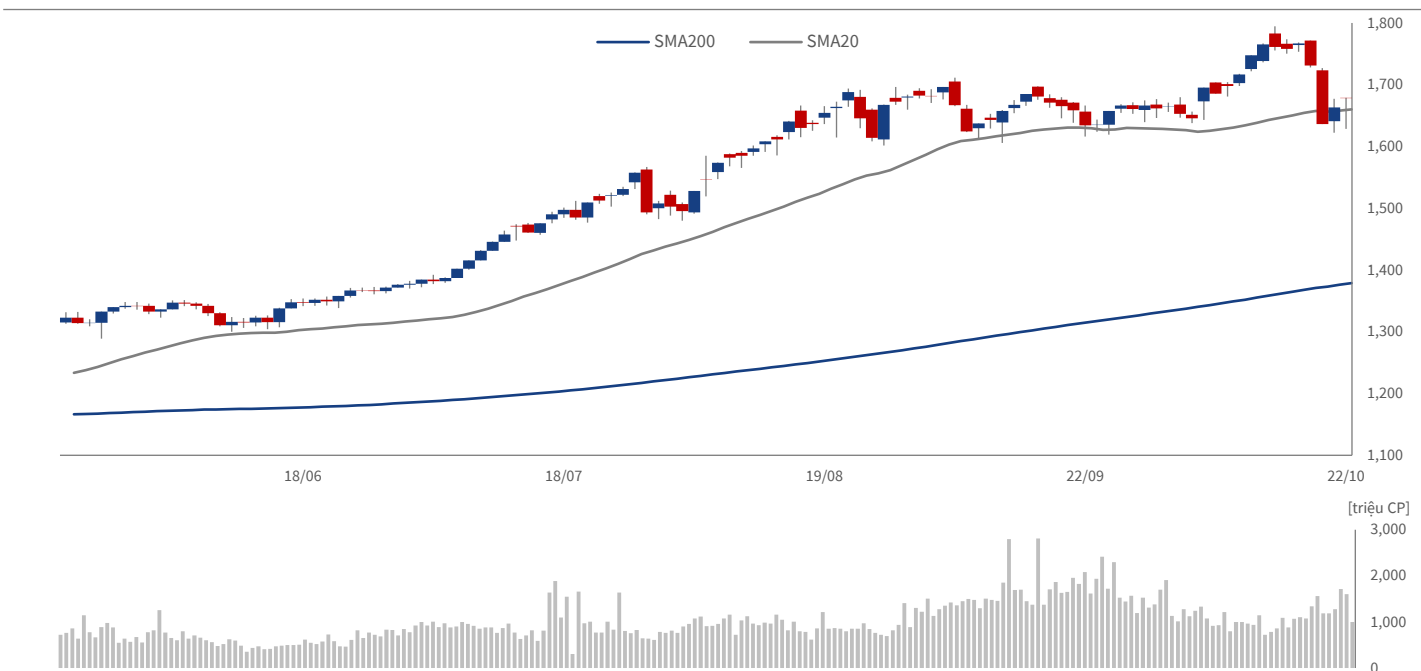
Hiệu suất các nhóm ngành từ đầu năm 2025 [%]



Vì sao thị trường tăng điểm?

VN-Index rút chân và tăng điểm trong phiên hôm nay

Biểu đồ VN-Index và các chỉ báo kỹ thuật [điểm]



Chỉ báo động lượng	Giá trị	GT so sánh	Hành động	Chỉ báo trung bình động	Giá trị	GT so sánh	Hành động
Relative Strength Index	46	50	Bán	Simple Moving Average (20)	1,662	1,679	Mua
Stochastic %K	-3	40	Bán	Simple Moving Average (50)	1,617	1,679	Mua
Momentum (10)	53	40	Mua	Simple Moving Average (100)	1,489	1,679	Mua
MACD level (12,36)	54	0	Mua	Simple Moving Average (200)	1,371	1,679	Mua
Tín hiệu mua			2	Exponential Moving Average (20)	1,655	1,679	Mua
Tín hiệu trung tính			0	Exponential Moving Average (50)	1,605	1,679	Mua
Tín hiệu bán			2	Exponential Moving Average (100)	1,514	1,679	Mua
				Exponential Moving Average (200)	1,342	1,679	Mua
				Bollinger Band (20)	1,362	1,679	Mua
				Tín hiệu mua			8
				Tín hiệu trung tính			0
				Tín hiệu bán			0

VN-Index tăng điểm với thanh khoản giảm mạnh so với 2 phiên gần nhất có thể là dấu hiệu cho thấy lực bán đã giảm. Đồng thời, dòng tiền có xu hướng lan tỏa ở nhiều nhóm cổ phiếu trong nhóm vốn hóa lớn. Trong ngắn hạn, với việc lực bán đã suy yếu, chúng tôi cho rằng thị trường sẽ tiếp tục hồi phục và hướng đến mức 1,700. NĐT có thể tận dụng nhịp hồi này để giảm tỷ trọng cổ phiếu về mức an toàn.

Thông tin ngành/doanh nghiệp:

HT1 (HSX, giá đóng cửa 20,100 VND, +7%): HT1 công bố KQKD Q3 2025 với doanh thu và LNST đạt 1,866 tỷ VND (+14% YoY) và 86 tỷ VND (+278% YoY). Kết quả tích cực đạt được nhờ sản lượng tiêu thụ xi măng tăng 18% YoY trong khi giá than nhập khẩu đầu vào (chiếm khoảng 35% chi phí NVL) duy trì ở mức thấp (-37% YoY) và (2) đóng góp từ trạm BOT Phú Hữu đi vào hoạt động từ cuối 2024. Chúng tôi cho rằng KQKD của HT1 trong 2025-2026 sẽ tiếp tục được thúc đẩy bởi (1) tăng trưởng sản lượng tiêu thụ xi măng khi hoạt động xây dựng tại miền Nam hồi phục và (2) mảng BOT với biên lợi nhuận cao (đạt 73% trong H1 2025) đem lại dòng tiền ổn định.

SZC (HSX, giá đóng cửa 29,300 VND, -1.7%): SZC đạt doanh thu Q3 2025 hơn 86 tỷ VND (- 48% YoY) và LNST còn gần 21 tỷ VND (- 65% YoY), ghi nhận mức thấp nhất trong 10 quý gần đây. Nguyên nhân chính đến từ mảng cho thuê hạ tầng khu công nghiệp, vốn là nguồn thu chủ lực chỉ mang về 33 tỷ VND (-77% YoY). Khoản thu từ khách hàng trả tiền trước tại 30/09/2025 đạt 475 tỷ VND (-32% YoY). Sự sụt giảm này xuất phát từ việc dòng vốn FDI trở nên thận trọng hơn trong việc mở rộng do tác động của chính sách thuế quan Mỹ khiến nhu cầu thuê đất công nghiệp giảm. Chúng tôi cho rằng KQKD Q4 2025 của SZC sẽ tiếp tục gặp khó khăn khi doanh thu cho thuê mới chậm lại, chi phí giải phóng mặt bằng tăng lên và căng thẳng thương mại Mỹ - Trung có thể ảnh hưởng đến nhu cầu thuê đất KCN.

HAG (HSX, giá đóng cửa 15,850 VND, +3.6%): Doanh thu và LNST của HAG trong Q3 2025 lần lượt đạt 1,895.4 tỷ VND (+32.4% YoY) và 432.1 tỷ VND (+23.1% YoY). Tăng trưởng tích cực của KQKD trong Q3 chủ yếu nhờ mảng trái cây tăng trưởng 61.3% YoY với sản phẩm chính là chuối xuất khẩu sang các thị trường như Trung Quốc và Nhật Bản. Tại các thị trường này, HAG được hưởng lợi nhờ việc chuối Việt Nam đang dần chiếm được thị phần từ các đối thủ như Philippines và Ecuador nhờ các ưu thế như (i) có lợi thế cạnh tranh về giá nhờ thuế suất 5.4% và giảm dần về mức 0% vào năm 2028 so với thuế suất của Philippines từ 8-18% theo mùa tại thị trường Nhật Bản và (ii) có khả năng chống chịu tốt hơn với dịch bệnh héo vàng lá chuối so với các đối thủ cạnh tranh. Bên cạnh đó, HAG cũng hợp tác với đối tác tại các thị trường trọng điểm nhằm bao tiêu dài hạn toàn bộ sản phẩm từ chuối. Do đó, chúng tôi kỳ vọng mảng trái cây sẽ tiếp tục là động lực thúc đẩy tăng trưởng trong Q4 2025 tới đây.

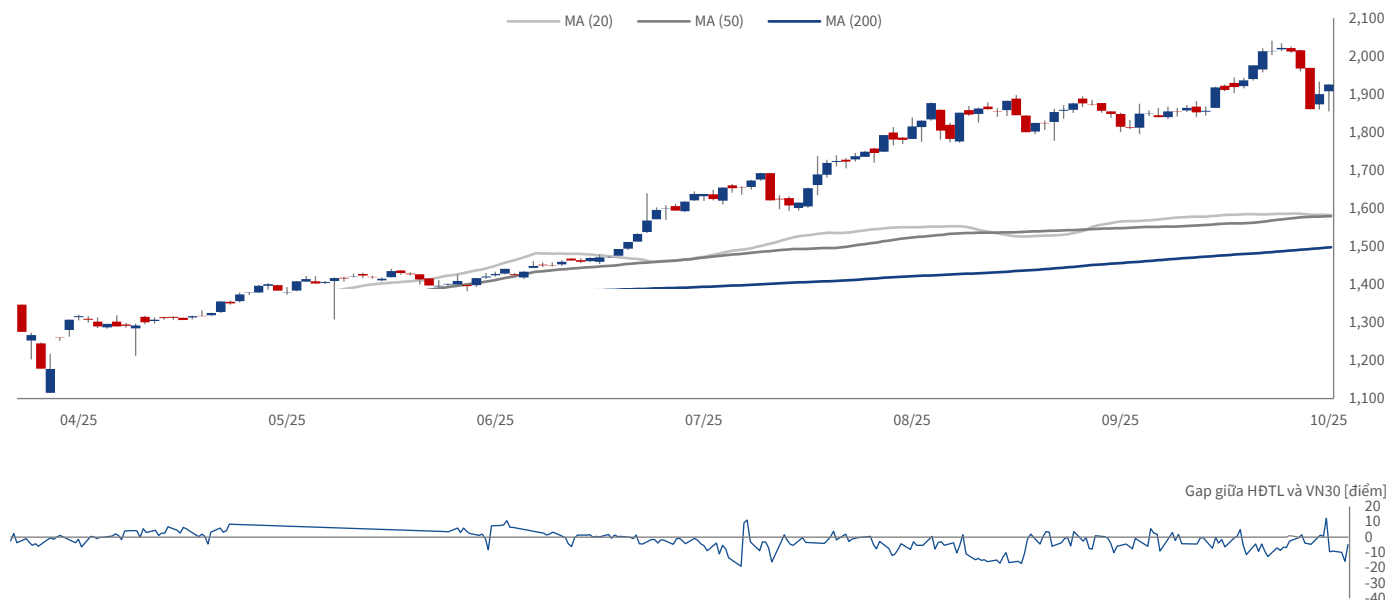
1/10	Việt Nam - Công bố PMI sản xuất T9
3/10	Mỹ - Công bố số liệu việc làm và thất nghiệp T8
6/10	Việt Nam - Công bố số liệu kinh tế T9
8/10	Việt Nam - FTSE Russell công bố kết quả đánh giá nâng hạng TTCK Việt Nam
14/10	Trung Quốc - Chỉ số giá tiêu dùng CPI
15/10	Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng CPI
16/10	Việt Nam - Đáo hạn HĐTL chỉ số VN30 T10
29/10	Mỹ - FOMC họp và công bố kết quả điều hành lãi suất cơ bản

Diễn biến thị trường tương lai chỉ số VN30

Thị trường tương lai

Mức basis tăng trong phiên hôm nay

Diễn biến hợp đồng tương lai VN30F1M [điểm]



Bảng giá Hợp đồng tương lai chỉ số VN30 và VN100

Mã hợp đồng	Ngày đáo hạn	Basis	Khớp lệnh			NĐTNN (HĐ)		Tổng KL
			Giá	+/-	+/- (%)	NN mua	NN bán	
41I1G3000	19/03/2026	-26.0	1,905	24.4	1.3%	2	3	94
41I1FB000	20/11/2025	-4.9	1,926	25.8	1.4%	9,289	10,060	400,622
VN30F2512	18/12/2025	-10.5	1,920	25.4	1.3%	149	43	1151
41I1G6000	18/06/2026	-20.9	1,910	11.5	0.6%	2	0	107
41I2G6000	18/06/2026	-30.6	1,817	-12.5	-0.7%	0	0	13
41I2FB000	20/11/2025	-3.6	1,844	17.5	1.0%	4	3	224
41I2FC000	18/12/2025	-6.1	1,841	25.4	1.4%	0	0	23
41I2G3000	19/03/2026	-33.8	1,813	3.7	0.2%	0	0	16

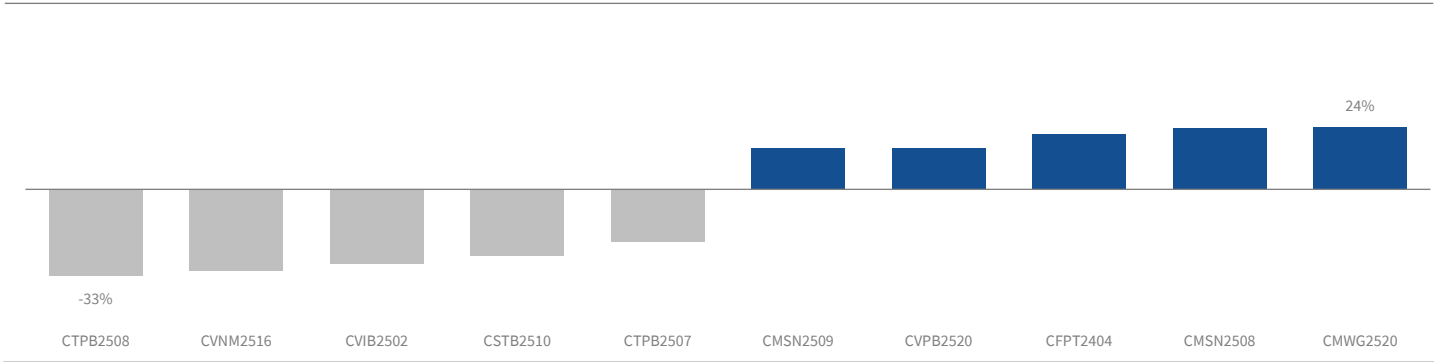
Diễn biến thị trường tương lai

Hầu hết các HĐ tương lai đều tăng điểm trong phiên hôm nay, ngoại trừ HĐ 41I2G6000 giảm 0.7%. Các HĐ tương lai chỉ số VN30 đều tăng điểm, trong đó HĐ 41I1FB000 tăng mạnh nhất (+1.4%). Đối với các HĐ VN100, HĐ 41I2FC000 tăng mạnh nhất, 25.4 điểm, tương ứng tăng 1.4%.

Diễn biến thị trường chứng quyền

Mã chứng quyền CTPB2508 giảm mạnh nhất (-33%) trong phiên hôm nay

Diễn biến thị trường chứng quyền [%]



Nguồn: Fiinpro-X, TVS Research

Diễn biến giảm điểm ghi nhận trên thị trường chứng quyền

- Số mã chứng quyền giảm nhiều hơn số mã tăng trong phiên hôm nay, trong đó mã CTPB2508 giảm mạnh nhất (-33%). Ở chiều ngược lại, mã CMWG tăng mạnh nhất (+24%)
- Trong số các mã chứng quyền chúng tôi theo dõi, hầu hết các mã đều giảm điểm trong phiên hôm nay, ngoại trừ mã CMWG2511 tăng 3.9%. Trong đó, mã chứng quyền CVIB2502 tiếp tục là mã giảm mạnh nhất (-28.6%)

Danh sách CW quan sát

Mã CW	TCPH	Ngày GDCC	Khớp lệnh		Giá thực hiện	Tỷ lệ chuyển đổi	Khối lượng
			Giá đóng cửa	%			
CTCB2509	SSI	11/12/2025	3,100.0	-1.6%	33,123	1.9:1	281,800
CMWG2511	ACBS	18/05/2026	4,250.0	3.9%	26,814	5.9:1	594,700
CHPG2406	SSI	24/10/2025	960.0	-4.0%	30,500	3.3:1	452,400
CVRE2522	MBS	18/05/2026	7,940.0	-3.1%	86,348	2.0:1	346,200
CVIB2502	SSI	23/10/2025	500.0	-28.6%	124,773	1.7:1	346,200

Nguồn: Fiinpro-X, TVS Research

Ghi chú: Giá đóng cửa, Giá thực hiện có đơn vị là VND/đơn vị

Ngày GDCC: Ngày giao dịch cuối cùng

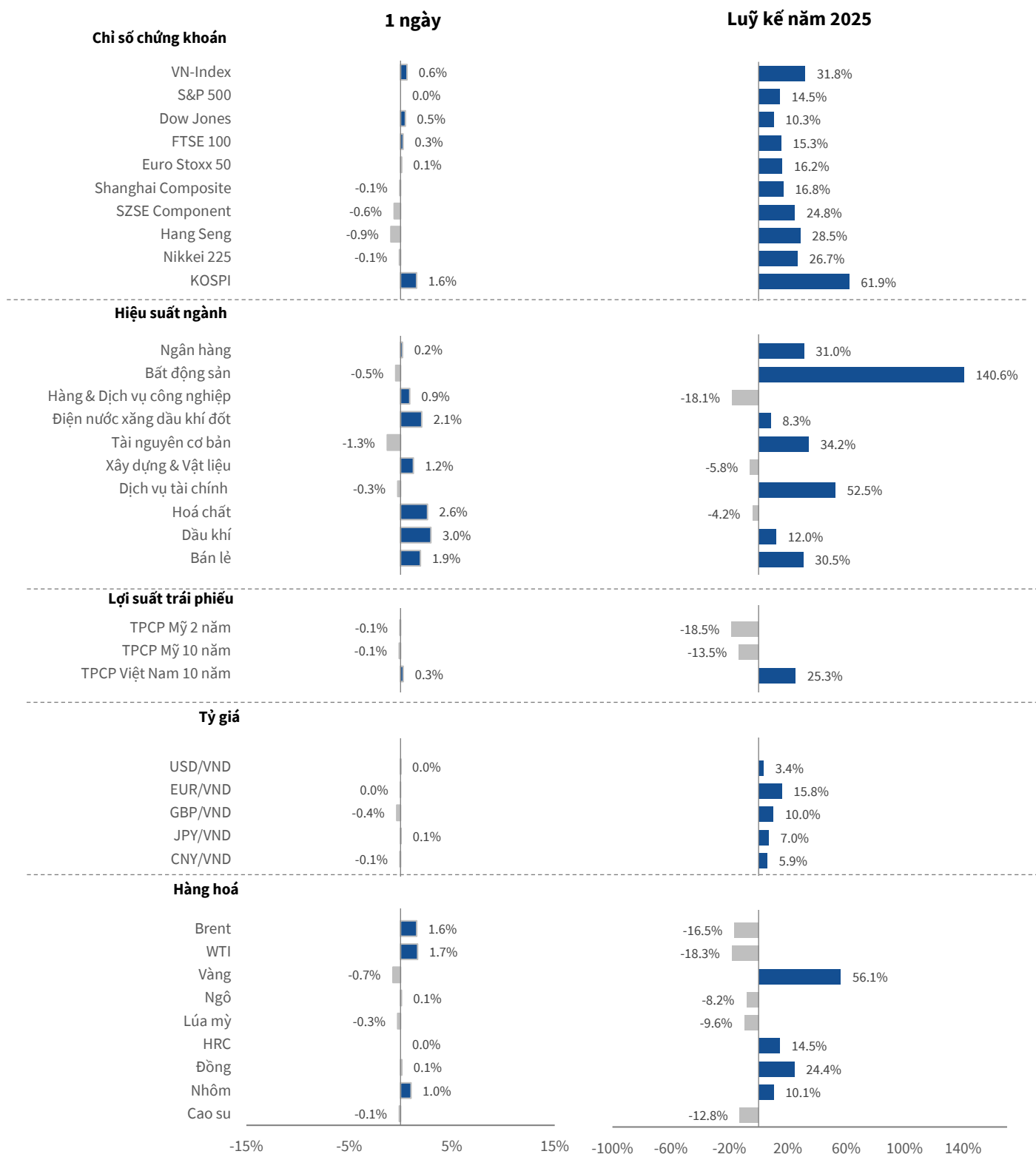
Danh sách cổ phiếu khuyến nghị

Mã	Ngành ICB cấp 2	Thông tin thị trường						Định giá			
		Giá đóng cửa	Vốn hoá	Beta	%	%	P/E	P/B	Giá	+/-	Ngày ra báo cáo
KDH	Bất động sản	32,200	36,135	1.7	1%	-3%	45.0	2.1	42,300	31%	18/07
TRC	Hóa chất	70,500	2,115	0.3	3%	32%	6.0	1.0	91,600	30%	18/07
HVN	Du lịch và Giải trí	34,450	107,191	0.2	0%	53%	9.2	-28.5	39,000	13%	18/07
NLG	Bất động sản	37,500	18,195	0.6	2%	11%	22.0	1.9	53,300	42%	05/08
HDC	Bất động sản	37,100	6,617	1.7	3%	44%	10.8	2.3	32,900	-11%	18/07
MWG	Bán lẻ	84,500	124,930	0.8	2%	38%	25.6	4.2	84,300	0%	18/07
VCG	Xây dựng và Vật liệu	26,000	16,808	1.2	2%	57%	21.8	2.1	28,500	10%	18/07
FRT	Bán lẻ	144,400	24,592	0.2	4%	-7%	45.7	8.6	183,900	25%	13/08
SIP	Bất động sản	52,400	12,687	1.1	2%	-28%	10.1	2.7	74,900	43%	18/07
PHR	Hóa chất	50,600	6,856	0.6	1%	-3%	13.5	1.8	74,000	46%	18/07
PLC	Hóa chất	25,800	2,085	1.2	0%	17%	22.2	1.6	30,000	16%	18/07
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26,700	204,935	1.1	0%	21%	15.3	1.7	31,100	16%	18/07
VPB	Ngân hàng	30,450	241,588	1.5	0%	62%	11.7	1.6	24,000	-21%	18/07
PDR	Bất động sản	24,250	23,760	2.2	4%	22%	137.3	2.0	22,200	-8%	18/07
HCM	Dịch vụ tài chính	24,750	26,729	1.6	2%	7%	21.0	2.6	29,100	18%	18/07
FPT	Công nghệ Thông tin	97,000	165,240	0.1	4%	-29%	19.1	5.0	125,600	29%	18/07
MBB	Ngân hàng	25,450	205,000	1.6	1%	54%	8.4	1.7	29,800	17%	18/07
DXG	Bất động sản	20,500	20,887	1.4	3%	56%	58.6	1.7	26,600	30%	20/08
CTG	Ngân hàng	50,500	271,185	0.8	1%	33%	9.0	1.7	48,900	-3%	18/07
VHM	Bất động sản	113,000	464,138	1.8	2%	177%	16.2	2.2	92,000	-19%	18/07
TCB	Ngân hàng	38,000	269,277	0.9	1%	57%	12.2	1.6	36,600	-4%	18/07

Danh sách báo cáo gần đây

Loại báo cáo	Tiêu đề	Công ty/Ngành	Ngày phát hành
Báo cáo thị trường	Báo cáo thị trường T9 2025	Thị trường	10/10/2025
Báo cáo vĩ mô	Báo cáo vĩ mô T9 2025	Vĩ mô	10/10/2025
Báo cáo vĩ mô	Báo cáo cập nhật kết quả nâng hạng TTCK Việt Nam	Vĩ mô	08/10/2025
Báo cáo thị trường	Báo cáo thị trường T8 2025	Thị trường	11/09/2025
Báo cáo vĩ mô	Báo cáo vĩ mô T8 2025	Vĩ mô	11/09/2025
Báo cáo cập nhật	Báo cáo cập nhật cổ phiếu	DXG	20/08/2025
Báo cáo cập nhật	Báo cáo cập nhật cổ phiếu	FRT	13/08/2025
Báo cáo thị trường	Báo cáo thị trường T7 2025	Thị trường	11/08/2025
Báo cáo vĩ mô	Báo cáo vĩ mô T7 2025	Vĩ mô	11/08/2025
Báo cáo cập nhật	Cập nhật KQKD 6T 2025	NLG	05/08/2025
Báo cáo cập nhật	Cập nhật KQKD 6T 2025	CTG	01/08/2025
Báo cáo Chiến lược thị trường H2 2025	Báo cáo chiến lược	Thị trường	18/07/2025
Báo cáo Chiến lược đầu tư H2 2025	Báo cáo chiến lược	Toàn thị trường	18/07/2025
Báo cáo Chiến lược vĩ mô H2 2025	Báo cáo chiến lược	Vĩ mô	18/07/2025
Báo cáo vĩ mô	Báo cáo vĩ mô T6 2025	Vĩ mô	14/07/2025
Báo cáo ngành	Báo cáo ngành Bất động sản	Ngành	14/07/2025

Tổng quan hiệu suất thị trường



Ghi chú: Các ngành được tính hiệu suất bao gồm cổ phiếu trên cả 3 sàn HSX, HNX và UPCoM

Các chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 tính toán dựa trên giá đóng cửa phiên giao dịch ngày hôm trước

Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, TVS Research



Tổng quan KQKD Q3 2025 toàn thị trường

Mã	Giá đóng cửa ngày 22/10/2025	Vốn hóa tại ngày 22/10/2025	DT Q3 2025	% YoY	DT 9T 2025	% YoY	LNST Q3 2025	% YoY	LNST 9T 2025	% YoY	ROE (TTM)	ROA (TTM)	EPS (TTM)	BVPS	P/E (TTM)	P/B (TTM)
Ngân hàng (5/27 DN)																
TCB	38,000	269,277	14,242	21.2%	38,596	3.1%	6,614	14.2%	18,975	3.5%	14.2%	2.1%	3,112	23,148	12.2	1.6
VPB	30,450	241,588	20,138	33.7%	52,238	17.1%	7,364	76.8%	16,236	48.3%	14.0%	2.0%	2,603	19,407	11.7	1.6
LPB	49,900	149,065	5,323	5.0%	14,924	3.8%	2,762	18.5%	7,692	9.1%	23.9%	2.0%	3,469	14,549	14.4	3.4
KLB	16,800	9,588	1,226	21.0%	3,550	23.8%	492	194.9%	1,228	102.4%	21.2%	1.6%	2,609	13,355	6.4	1.2
VAB	11,650	9,511	734	38.4%	2,008	14.2%	269	42.2%	840	31.4%	11.5%	0.8%	1,308	11,871	8.9	1.0
Bất động sản (22/131 DN)																
LHG	86,600	77,922	4,233	2469.7%	4,882	124.6%	1,508	5008.5%	1,591	160.8%	23.4%	4.1%	4,851	13,215	17.9	6.6
IJC	12,300	7,744	672	255.0%	997	39.5%	254	193.7%	397	99.3%	10.5%	7.0%	1,423	8,525	8.7	1.4
HDC	37,100	6,617	102	-18.1%	281	-26.3%	539	3939.5%	610	839.8%	25.2%	12.2%	3,424	16,033	10.8	2.3
SZC	29,300	5,274	86	-47.5%	719	12.1%	21	-65.1%	242	6.7%	10.1%	3.9%	1,763	17,457	16.6	1.7
PXL	15,400	2,680	3	62.9%	6	-21.1%	0	5.0%	1	-24.7%	0.1%	0.1%	5	10,002	2,888.2	1.5
Thực phẩm và đồ uống (32/157 DN)																
HAG	15,850	20,088	1,895	32.4%	5,603	33.6%	432	23.1%	1,312	54.1%	14.4%	5.8%	1,370	9,990	11.6	1.6
IFS	31,300	8,334	2,000	49.1%	4,833	36.1%	283	915.5%	748	1660.1%	24.1%	14.8%	2,829	13,301	11.1	2.4
MCM	26,400	2,904	716	-3.2%	2,114	-2.8%	28	-34.1%	152	1.8%	9.6%	8.0%	2,024	21,196	13.1	1.3
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp (35/259 DN)																
GEE	181,800	66,539	6,444	14.7%	18,235	24.5%	1,792	321.4%	2,845	166.3%	48.1%	23.7%	9,095	20,387	20.0	8.9
PDN	93,000	5,168	399	19.9%	1,145	18.3%	108	19.9%	333	27.7%	32.5%	24.8%	7,549	24,856	12.3	3.7
VGR	55,500	4,563	304	15.5%	858	8.6%	125	50.7%	362	33.8%	39.0%	33.6%	5,256	14,876	10.6	3.7
Xây dựng và vật liệu (54/350 DN)																
VGC	46,450	20,826	3,254	14.8%	9,337	14.1%	118	-49.8%	956	48.7%	15.8%	5.6%	3,090	20,261	15.0	2.3
BMP	174,000	14,244	1,532	8.9%	4,224	18.5%	351	21.0%	967	27.3%	41.2%	33.4%	14,639	38,458	11.9	4.5
VCS	66,100	11,306	1,610	34.0%	4,869	27.1%	258	49.9%	790	52.2%	28.0%	0.0%	5,384	22,050	12.3	3.0
Tài nguyên cơ bản (19/113 DN)																
HGM	299,000	3,767	173	53.9%	606	143.9%	116	97.1%	422	231.5%	108.2%	86.8%	37,954	42,241	7.9	7.1
TMG	79,900	1,349	262	-3.2%	872	6.9%	17	184.1%	52	32.5%	27.0%	12.0%	3,772	13,724	19.9	5.5
TIS	4,900	904	2,757	15.3%	8,989	17.6%	-12	-85.3%	-7	-91.2%	4.3%	0.6%	349	7,895	14.1	0.6
Dịch vụ tài chính (35/69 DN)																
TCX	48,050	111,058	3,164	71.5%	7,852	36.0%	1,620	84.5%	4,050	30.5%	15.2%	7.5%	2,390	18,378	20.1	2.6
VIX	34,800	53,294	3,222	481.8%	6,178	377.7%	2,449	823.0%	4,123	648.2%	24.1%	17.6%	2,766	13,169	12.6	2.6
VND	20,950	31,892	2,214	74.4%	5,213	26.7%	929	83.9%	1,680	14.5%	9.7%	3.9%	1,269	13,506	16.5	1.6
Các ngành khác (119/558 DN)																
IMP	49,750	7,662	574	5.3%	1,800	15.9%	77	6.2%	242	20.7%	16.6%	12.7%	2,323	13,779	21.4	3.6
TDM	57,500	6,388	64	-39.9%	264	-34.0%	3	-94.5%	200	35.9%	10.2%	8.0%	2,333	23,172	24.7	2.5
NT2	22,750	6,549	1,928	12.6%	5,436	30.7%	214	383.5%	577	6831.2%	15.4%	7.9%	2,265	15,660	10.0	1.5
QTP	12,900	5,761	2,056	-13.8%	7,833	-13.2%	33	-56.6%	396	-14.7%	10.6%	7.8%	1,224	11,756	10.5	1.1
HNA	24,100	5,669	431	33.0%	852	60.9%	245	32.7%	379	121.5%	14.4%	12.1%	2,030	14,318	11.9	1.7
VN30 (2/30 DN)																
VN100 (19/100 DN)	1,847	6,385,056	63,578	29.8%	168,636	15.2%	23,343	57.0%	57,184	30.3%	17.2%	2.9%			11.4	1.8
HOSE (119/418 DN)	1,679	7,399,543	115,449	23.6%	305,997	14.3%	31,696	64.5%	75,019	33.2%	16.9%	3.3%			11.9	1.9
HNX (54/309 DN)	269	457,146	17,380	58.5%	41,809	19.9%	3,327	347.0%	6,273	74.6%	18.4%	7.2%			16.3	2.7
UPCOM (149/936 DN)	110	1,415,852	32,420	7.1%	94,786	8.0%	3,171	60.0%	7,300	40.3%	12.7%	4.0%			12.7	1.6

Ghi chú: Vốn hoá, DT và LNST tính bằng đơn vị tỷ VND
Giá đóng cửa, EPS, BVPS tính bằng đơn vị VND/cổ phiếu
Nguồn: Fiinpro, TVS Research

Tuyên bố miễn trừ

Báo cáo này được viết và phát hành bởi CTCP Chứng khoán Thiên Việt (TVS). Báo cáo được dựa trên các thông tin được thu thập từ các nguồn TVS đánh giá là đáng tin cậy, tuy nhiên TVS không chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Nhận định và quan điểm trong báo cáo thể hiện ý kiến của chuyên viên phân tích tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không đại diện cho quan điểm chung của TVS và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin tham khảo cho nhà đầu tư, không nhằm mục đích chào mời, xúi giục mua hoặc bán bất cứ chứng khoán nào được đề cập. Nhà đầu tư toàn quyền quyết định và tự chịu rủi ro trong việc sử dụng các thông tin và tham khảo các nhận định trên báo cáo. TVS tuyên bố miễn trách đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hoặc gián tiếp nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

Hệ thống khuyến nghị

Các khuyến nghị Mua, Bán hoặc Nắm giữ chứng khoán được xác định dựa trên tổng lợi nhuận kỳ vọng, bằng tổng của chênh lệch giữa giá mục tiêu và thị giá hiện tại của cổ phiếu cộng với lợi tức cổ tức kỳ vọng. Các định nghĩa về Mức khuyến nghị cụ thể như sau:

Xếp hạng khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận kỳ vọng của cổ phiếu trong 1 năm > 20%
NẮM GIỮ	Tổng lợi nhuận kỳ vọng của cổ phiếu trong 1 năm khoảng từ -10% đến 20%
BÁN	Tổng lợi nhuận kỳ vọng của cổ phiếu trong 1 năm < -10%

Công ty cổ phần chứng khoán Thiên Việt – www.tvs.vn

Hà Nội

Tầng 15, tòa nhà Harec
4A Láng Hạ, phường Giảng Võ, Hà Nội
Phone: +84 (24) 7300 6588
Fax: +84 (24) 3248 4821

Hồ Chí Minh

Tầng 9, tòa nhà Bitexco Nam Long
63 Võ Văn Tần, phường Xuân Hòa, Hồ Chí Minh
Phone: +84 (28) 7300 6588
Fax: +84 (28) 299 2088

Thông tin liên hệ

BỘ PHẬN NGHIÊN CỨU

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Chuyên viên cao cấp
hanhntk@tvs.vn

Phạm Nguyên Long

Chuyên viên cao cấp
longpn@tvs.vn

Nguyễn Đức Anh

Chuyên viên
anhnd@tvs.vn

Tiêu Phan Thanh Quang

Chuyên viên
quangtpt@tvs.vn

Nguyễn Văn Quang

Chuyên viên
quangnv@tvs.vn